

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

ÁP DỤNG CHO KHÓA TUYỂN SINH TỪ THÁNG 8/2021

*(Ban hành theo Quyết định số 1732/QĐ-ĐHHĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

Năm 2021

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình dạy học áp dụng cho khóa tuyển sinh từ 8/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Khung chương trình đào tạo theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học, cao đẳng định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại Trường Đại học Hồng Đức (theo Quyết định số 1270/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/8/2017 và Quyết định số 1285/QĐ-ĐHHĐ ngày 16/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức);

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Hồng Đức;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình dạy học áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021 (Có danh mục 34 Chương trình dạy học kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các phòng, khoa, và bộ môn liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Lê Hoàng Bá Huyền

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC ÁP DỤNG CHO KHÓA TUYỂN SINH TỪ THÁNG 8/2021
(Ban hành theo Quyết định số 1732/QĐ-ĐHHĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Tên chương trình đào tạo: **Sư phạm Vật lý chất lượng cao**
Ngành đào tạo: **Sư phạm Vật lý chất lượng cao**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Mã ngành: **7.14.02.11**

CTĐT đã được ban hành theo Quyết định số 1702/QĐ-ĐHHĐ ngày 01/9/2021:

CĐĐT đã được ban hành theo Quyết định số 1702/QĐ-ĐHHD ngày 01/9/2021:

Số T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiền quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KHỐI KIẾN THỨC GDĐC		38							
I	Kiến thức lí luận chính trị		13							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135		1	LL Mác-LN
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18		90	1	2	LL Mác-LN
3	196065	Chủ nghĩa xã hội KH	2	21	18		90	2	3	LL Mác-LN
4	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90		3	Luật
5	198030	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	21	18		90	3	4	LSD-TT
6	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	3	4	LSD-TT
II	Ngoại ngữ		12							
7	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180		1	NN KC
8	133034	Tiếng Anh 2	4	36	24	24	180	7	2	NN KC
9	133035	Tiếng Anh 3	4	36	24	24	180	8	3	NN KC
III	Khoa học TN – XH, Tin học		13							
10	173080	Tin học	2	10		40	90		1	MMT&UĐ
11	114002	Toán cao cấp	4	36	48		180		1	ĐS-HH
12	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	18	6	90		1	Xã hội học
13	114005	Xác suất thống kê	3	27	36		135	11	2	ĐS-HH
14	125105	Môi trường và con người	2	18	18	6	90		2	Sinh học
IV	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	3		27	90		1	LL&PPGD GDTC
	Giáo dục thể chất 2 (Chọn 1 trong 5 HP)									
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90		2	Bóng-ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90		2	Bóng-ĐK
c	191033	Bóng đá	2			30	90		2	Bóng-ĐK

Số T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiền quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
d	191034	Bóng rổ	2			30	90		2	Bóng-ĐK
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90		2	Bóng-ĐK
V	Giáo dục quốc phòng (tiết)		165t							TT GDQP
B	KHỐI KIẾN THỨC GDCN		99							
I	Kiến thức cơ sở		23							
15	181080	Tâm lý học	4	36	48		180	1	2	Tâm lý
16	182005	Giáo dục học	4	36	48		180	15	3	Giáo dục
17	198000	QLHCNN&GD	2	18	24		90	16	7	Giao dục
18	115019	Cơ học	3	27	36		135		1	Vật lý
19	115016	Nhiệt học	2	18	24		90		2	Vật lý
20	115130	Điện và từ	3	27	36		135		3	Vật lý
21	115075	Quang học	3	27	36		135		3	Vật lý
22	115146	Vật lý nguyên tử hạt nhân và hạt cơ bản (Dạy bằng T.Anh)	2	18	24		90	26	5	Vật lý
II	Kiến thức ngành		55							
23	115022	Thí nghiệm Vật lý ĐC 1,2	3			90	135	21	4	Vật lý
24	115026	Phương pháp toán lý	3	27	36		135	11	4	Vật lý
25	115140	Lý luận dạy học VL	4	36	12	36	180	21	4	Vật lý
26	115008	Tiếng Anh chuyên ngành	4	36	24	24	180	9	4	Vật lý
27	115139	Phân tích chương trình vật lý phổ thông	4	36	28	20	180	25	5	Vật lý
28	115141	Thí nghiệm Vật lý PT 1,2	3			90	135	25	5	Vật lý
29	115147	Điện động lực	2	18	24		90	20	5	Vật lý
30	115059	Cơ lý thuyết	3	27	36		135	18	5	Vật lý
31	115150	Cơ học lượng tử (Dạy bằng T.Anh)	3	27	36		135	26, 24	6	Vật lý
32	115161	Giải bài tập VLĐC bằng Tiếng Anh	3	27	18	18	135	26	6	Vật lý
33	115149	Nhiệt động lực học & Vật lý thống kê	3	27	36		135	31	7	Vật lý
34	115142	Thiết kế bài học Vật lí	4	36	12	36	180	25	7	Vật lý
35 - 36	Chọn hai trong ba học phần									
a	115185	Vật lý chất rắn	2	18	24		90	24	6	Vật lý
b	115186	Thiên văn học	2	18	12	12	90	21	6	Vật lý
c	115152	Vật lý - công nghệ 2	2	18	12	12	90	19	6	Vật lý
37	Chọn một trong hai học phần									

Số T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiền quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
a	115145	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Vật lý	4	36		48	180	25	6	Vật lý
b	115144	Phương pháp và kỹ thuật thí nghiệm vật lý	4	36		48	180	25	6	Vật lý
38	Chọn một trong hai học phần									
a	115038	Lịch sử Vật lý	2	18	24		90	21	7	Vật lý
b	115042	PP nghiên cứu khoa học chuyên ngành Vật lý	2	18	12	12	90	21	7	Vật lý
39	Chọn một trong hai học phần									
a	115121	Vật lý bán dẫn (Dạy bằng Tiếng Anh)	2	18	24		90	26, 31	7	Vật lý
b	115151	Tin học chuyên ngành Vật lý (Dạy bằng Tiếng Anh)	2	18		24	90	26	7	Vật lý
40 - 41	Chọn hai trong ba học phần									
a	115122	Từ học và Siêu dẫn (Dạy bằng Tiếng Anh)	2	18	24		90	26, 31	7	Vật lý
b	115136	Vật liệu và công nghệ mới (Dạy bằng Tiếng Anh)	2	18	24		90	26, 31	7	Vật lý
c	115123	Vật lý laser và ứng dụng (Dạy bằng Tiếng Anh)	2	18	24		90	21, 26	7	Vật lý
III	Kiến thức bổ trợ		8							
42-43	Chọn hai trong ba học phần									
a	116017	Hóa học đại cương	3	27	21	15	135		5	Hóa học
b	118011	Sinh học đại cương	3	27	24	12	135		5	Sinh học
c	115108	Dạy học ngoại khoá môn Vật lý	3	27		36	135	25	5	Vật lý
44	Chọn một trong hai học phần									
a	115154	Cơ sở vật lý môi trường và đo lường	2	18	24		90	21	6	Vật lý
b	115155	Vật lý – công nghệ 1	2	18	12	12	90	20	6	Vật lý
IV	Thực tập/KLTN/HP thay thế		13							
45	132002	Kiến tập sư phạm	2			90			6	
46	115057	Thực tập sư phạm	5			150		45	8	
	Khóa luận TN/HP thay thế		6							
47	Chọn một trong hai học phần									
a	115156	CD Khoa học – công nghệ nano	3	27	36		135	31	8	Vật lý

Số T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiền quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
b	115157	CD Lý thuyết trường lượng tử	3	27	36		135	31	8	Vật lý
48	Chọn một trong hai học phần									
a	115158	CD Bài tập Vật lý phổ thông nâng cao	3	27	18	18	135	25	8	Vật lý
b	115153	CD dạy học tích hợp môn KHTN	3	27		36	135	25	8	Vật lý
Tổng			137							

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền